UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53 /GPMT-BQL	*Bình Định, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh Bình Định.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hoàng Tâm tại Văn bản số 13/HT/BC ngày 31/12/2024 về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất - kinh doanh bao bì carton và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Tâm, địa chỉ trụ sở chính tại lô B52 (số hiệu cũ A33C), Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất - kinh doanh bao bì carton với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất - kinh doanh bao bì carton

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B52, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 4100318964 đăng ký lần đầu ngày

25/06/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07/02/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 34/GCN-UB ngày 07/5/2003 do UBND tỉnh Bình Định cấp.

1.4. Mã số thuế: 4100318964.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bao bì carton

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích đất: 14.239,1 m^2.

- Quy mô: Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Công suất: 1.500 tấn thành phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hoàng Tâm:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Tâm có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy định các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay các hoạt động liên quan đến việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND phường Trần Quang Diệu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô

nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Đại diện Ban Quản lý tại Khu kinh tế, Khu công nghiệp căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Nhà máy sản xuất - kinh doanh bao bì carton theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- Cty CP ĐTXD Bình Định;
- Cty TNHH Hoàng Tâm;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- VP Ban (công khai trên website);
- VP Đại diện BQL;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Toàn bộ nước thải phát sinh, bao gồm: nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình sản xuất bao bì carton được thu gom, xử lý và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng, khu nhà vệ sinh công nhân sau khi được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó tự chảy theo đường ống PVC D60 dẫn về bể gom tập trung của nhà máy có dung tích 6,4 m^3 và đấu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Tài.

- Nước thải vệ sinh bể nước dập bụi khu vực lò hơi được thu gom tự chảy theo đường ống PVC D34 dẫn về bể gom tập trung nêu trên và đấu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Tài.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh bồn khuấy hồ tinh bột được dẫn vào hố thu gom, sau đó được xử lý sơ bộ bằng bể lắng hồ tinh bột. Nước thải sau khi lắng được dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học để xử lý đạt cấp độ đấu nối và tự chảy theo đường ống PVC D60 về bể gom tập trung, đấu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Tài

- Nước thải mực in phát sinh từ quá trình vệ sinh rulô, thùng chứa mực dẫn về bể thu gom nước thải mực in để lắng bùn, sau đó được dẫn vào bể keo tụ để xử lý keo tụ bằng phèn nhôm, vôi và polyme. Nước thải sau khi được xử lý keo tụ tạo bông cặn sẽ chảy về bể lọc cát để tách các bông cặn, nước thải sau tách cặn sẽ được dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học để xử lý đạt cấp độ đấu nối và tự chảy theo đường ống PVC D60 về bể gom tập trung, đấu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Tài.

Vị trí hố ga đấu nối nước thải có tọa độ: X = 1.523.547; Y= 596.616 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^0 15'$, múi chiếu 3^0)*. Chất lượng nước thải trước khi

đấu nối đảm bảo đạt cấp độ theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/4/2012 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại (03 ngăn) → Bể thu gom tập trung → Hố ga đấu nối nước thải của Khu công nghiệp.

- Dung tích bể xử lý:

+ Bể tự hoại: 5 m^3/bể (02 bể).

+ Bể gom tập trung: 6,4 m^3;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải vệ sinh bể dập bụi khu vực lò hơi:

- Nước thải vệ sinh bể dập bụi khu vực lò hơi → Bể thu gom tập trung (lắng cặn) → Đấu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Dung tích bể gom tập trung: 6,4 m^3.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Công trình xử lý nước thải sản xuất (nước thải hồ tinh bột và nước thải mực in):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể lắng → Bể keo tụ → Bể lọc cát → Bể điều hòa → Bể lọc sinh học kỵ khí → Bể lọc sinh học hiếu khí bậc 1 → Bể lọc sinh học hiếu khí bậc 2 → Bể lắng, khử trùng → Bể lọc cát → Bể gom tập trung → Đấu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh bồn khuấy hồ tinh bột → Hố thu gom → Bể lắng hồ tinh bột → Bể điều hòa → Bể lọc sinh học kỵ khí → Bể lọc sinh học hiếu khí bậc 1 → Bể lọc sinh học hiếu khí bậc 2 → Bể lắng, khử trùng → Bể lọc cát → Bể gom tập trung → Đấu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

+ Nước thải mực in → Bể thu gom → Bể keo tụ → Bể lọc cát → Bể điều hòa → Bể lọc sinh học kỵ khí → Bể lọc sinh học hiếu khí bậc 1 → Bể lọc sinh học hiếu khí bậc 2 → Bể lắng, khử trùng → Bể lọc cát → Bể gom tập trung → Đấu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý nước thải: 5 m^3/ngày đêm;

+ Bể lắng hồ tinh bột: 4,5 m^3;

+ Bể gom tập trung: 6,4 m^3;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: $Al_2(SO_4)_3$, NaOH, Polymer, Clorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hệ thống đường ống để

đảm bảo hiệu quả thu gom và đấu nối triệt để nước thải.

- Thường xuyên hút bùn, cặn bể tự hoại, bể lắng hồ tinh bột, hệ thống xử lý nước thải, hố ga thoát nước để đảm bảo dung tích lưu chứa nước thải và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải trước khi đấu nối.

- Bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định thiết kế.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động thường xuyên, liên tục có hiệu quả.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom, lưu chứa nước thải tại nhà máy đảm bảo đường ống dẫn và công trình lưu chứa nước thải luôn luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải của nhà máy không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thực hiện việc thu gom, xử lý và ký hợp đồng đấu nối toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại nhà máy với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường không đúng quy định.

Phụ lục 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ đốt nhiên liệu vận hành lò hơi (công suất 3,5 tấn/giờ)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại miệng ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tọa độ: X = 1.523.505; Y = 596.429 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^0 15'$, múi chiếu 3^0).*

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.500 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả gián đoạn theo thời gian hoạt động của lò hơi.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp = Kv = 1,0, cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
02	SO_2	mg/Nm^3	500		
03	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850		
04	CO	mg/Nm^3	1.000		
05	Lưu lượng	m^3/giờ	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

Khí thải được thu gom vào hệ thống xử lý thông qua đường ống có kích thước D520 và quạt hút có công suất 10HP.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Bể nước dập bụi → Ống khói → Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 9.500 m^3/giờ.

- Vật liệu sử dụng: dùng nước làm tác nhân hấp thụ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt hút, đường ống thu gom và thiết bị xử lý khí thải của cơ sở để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống khói của hệ thống xử lý khí thải đã được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Công ty tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý khí thải đảm bảo không để khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi cơ sở. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý khí thải; Đảm bảo ống khói của hệ thống xử lý khí thải phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện

việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải (như: lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm; có sổ nhật ký vận hành thử nghiệm, tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý khí thải,...).

3.5. Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 03

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực dây chuyền máy dợn sóng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tọa độ X = 1.523.505; Y = 596.497; *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^0 15'$, múi chiếu 3^0).*

3. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 53 /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	13	NH
02	Giẻ lau thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	25	KS
03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải (thùng, can đựng mực in,…)	18 01 03	160	KS
04	Bùn mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 02	187	KS
05	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp (bùn từ hệ thống xử lý nước thải)	12 06 05	1.270	KS
Tổng cộng			**1.655**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Các loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	Ký hiệu phân loại
01	Giấy rẻo, giấy vụn, bột cưa giấy	204	TT
02	Ghim hỏng, bao bì nilong mềm, dây cột hỏng	3	TT-R
03	Tro, xỉ đốt lò hơi	40	TT
04	Bùn cặn từ bể dập bụi lò hơi	5	TT
05	Bùn bể lắng hồ tinh bột	5	TT
06	Bùn bể lắng cặn trước khi đấu nối	2	TT
	Tổng cộng	**259**	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 780 kg/tháng.

- Chủng loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại cơ sở.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chuyên dụng màu cam dung tích 240 lít có nắp đậy, dán nhãn để lưu chứa.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 6m^2 (kích thước 3x2m).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khít, không bị thẩm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; rãnh chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải và biển dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa: bố trí 01 khu lưu chứa, diện tích 35m^2. Khu vực được xây dựng có nền bê tông; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 06 thùng chuyên dụng có nắp đậy loại 240L và 50L để thu gom, phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: bố trí tập kết tại phía Đông nhà máy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Thực hiện quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật

về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Công khai Giấy phép môi trường của cơ sở trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Trần Quang Diệu trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Trồng và duy trì cây xanh trong mặt bằng luôn đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch được duyệt.

4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.

5. Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như chất thải nguy hại. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7. Thực hiện nghiêm túc công tác PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình vận hành. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại cơ sở.

9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.